

Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ

Hoàn Kiếm, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà **Vũ Phương Liên** và Ông **Nguyễn Anh Dũng**

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2024 về việc “Ly hôn, Chia tài sản chung vợ chồng”, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H.N.** Sinh năm 1982.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn D.** Sinh năm 1978.

Cùng ĐKKHKT: Số 25 ngõ T, phường H, quận T, Hà Nội. Cùng nơi ở hiện nay: Số 2 phố V, tầng 2 phòng 202a và 203a cầu thang 1, tập thể G, phường D, quận K, Hà Nội.

XÉT THẤY:

Chị Nguyễn Thị H.N và Anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 7 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2003 ngày 22 tháng 7 năm 2003. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H.N và Anh Nguyễn Văn D.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H.N và Anh Nguyễn Văn D có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh năm 2003, cháu Nguyễn Thu H1, sinh ngày .../.../..., cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày.../.../.... Khi ly hôn, cháu H, cháu H1 đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên HĐXX không xét.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H.N trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đức M, anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Đức M 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung, nhà đất ở: *Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H.N có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ số 2 phố Q, phường C, quận K, thành phố Hà Nội (địa chỉ thực tế là căn hộ 202A và 203A tại số 2 phố V, tầng 2, cầu thang 1, tập thể G, phường C, quận K, Hà Nội) có Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 1253602 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 14/4/2016 cho chị Nguyễn Thị H.N và anh Nguyễn Văn D. Chị N không yêu cầu chia tài sản chung là chiếc ô tô Vios 4 chỗ, giấy tờ xe mang tên anh Nguyễn Văn D. Tại phiên toà, chị N anh D cùng ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.*

3. Về công nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

III. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng của nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2024.

IV. Án phí Tòa án:

1. Chị Nguyễn Thị H.N tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm ngày 22/5/2024, số biên lai 0006472.

2. Chị Nguyễn Thị H.N được trả lại 19.500.000 đồng án phí chia tài sản chung chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm ngày 24/6/2024, số biên lai 0006572.

V. Hiệu lực của Quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

VI. Thi hành Quyết định:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- CCTHADS quận Hoàn Kiếm
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ